

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671016 - Vật lý đại cương 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Đình Văn	Châu	3672050325	07/11/1993	8,00	3,00	4,50	
2	Nguyễn Võ Nhật	Nam	3771020614	26/08/1992	8,00	2,50	4,20	
3	Trương Ngọc	Toàn	3771020619	09/07/1995	,00	,00	,00	CT
4	Phạm Quốc	Việt	3771020622	08/06/1994	7,00	4,30	5,10	
5	Hồ Tấn	Vinh	3771020623	14/01/1995	6,00	3,00	3,90	
6	Nguyễn Thế	Phong	3771020624	02/02/1995	7,50	2,50	4,00	
7	Nguyễn Văn	Thức	3771020626	12/04/1994	7,00	3,50	4,60	
8	Hồ Công	Khanh	3771020628	05/03/1995	6,00	4,80	5,20	
9	Nguyễn Trần Thành	Nguyên	3771020629	31/07/1995	,00	,00	,00	CT
10	Nguyễn Cao	Đắc	3771020630	01/01/1994	6,50	2,80	3,90	
11	Nguyễn Khắc	Hùng	3771020633	20/02/1995	8,00	3,30	4,70	
12	Trần Quốc	Cường	3771020634	16/02/1995	8,00	3,20	4,60	
13	Đặng Văn	Mẫu	3771020637	10/02/1992	6,00	1,80	3,10	
14	Bùi Bảo	Son	3771020638	08/05/1994	5,00	2,80	3,50	
15	Tăng Thanh	Quân	3771020640	02/08/1994	5,00	2,80	3,50	
16	Huỳnh Công	Danh	3771020647	02/04/1995	7,00	2,80	4,10	
17	Nguyễn Hoàng	Hạc	3771020649	27/07/1993	6,50	2,80	3,90	
18	Nguyễn Ngọc	Tài	3771020650	01/02/1995	,00	,00	,00	CT
19	Đậu Đình	Huỳnh	3771020656	12/12/1995	6,00	2,80	3,80	
20	Hoàng Văn	Son	3771020663	06/07/1994	6,00	1,50	2,90	
21	Nguyễn Văn	Nam	3771020664	08/05/1994	7,00	1,50	3,20	
22	Mai Thiều	Huy	3771020665	04/03/1992	8,00	1,80	3,70	
23	Nguyễn Đức	Phúc	3771020669	30/09/1990	8,00	5,30	6,10	
24	Lê Xuân	Nguyên	3771020670	13/04/1995	6,00	2,50	3,60	
25	Nguyễn Quang	Thống	3771020671	27/09/1995	7,00	4,00	4,90	
26	Nguyễn Trọng	Kha	3771020674	05/01/1995	8,00	3,30	4,70	
27	Phạm Văn	Công	3771020675	13/03/1995	7,00	3,50	4,60	
28	Đoàn Văn	Hiếu	3771020681	06/01/1994	6,00	2,00	3,20	
29	Huỳnh Anh	Vũ	3771020682	23/03/1994	8,00	2,50	4,20	
30	Võ Thành	Mỹ	3771020686	20/02/1994	,00	,00	,00	CT
31	Nguyễn Thanh	Tân	3771020687	28/10/1994	7,00	4,30	5,10	
32	Trương Minh	Tâm	3771020689	10/05/1995	,00	,00	,00	CT
33	Võ Minh	Quân	3771020693	01/04/1994	8,00	3,30	4,70	
34	Nguyễn Văn	Tài	3771020695	12/02/1993	7,00	2,50	3,90	
35	Bá Quốc	Khánh	3771021086	02/09/1993	7,50	2,30	3,90	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trần Văn	Thịnh	3771021150	01/03/1995	7,00	4,80	5,50	
37	Võ Văn	Nam	3771021189	14/10/1995	8,00	3,30	4,70	
38	Đỗ Hiệp	Phát	3771021201	28/10/1995	7,00	2,80	4,10	
39	Phan Thanh	Phong	3771021205	29/12/1994	6,50	2,00	3,40	
40	Nguyễn Ngọc	Trình	3771021233	10/02/1995	8,00	3,00	4,50	
41	Nguyễn Đức	Tiền	3771021245	02/02/1995	7,00	3,80	4,80	
42	Đặng Xuân	Hiệp	3771021252	19/01/1995	7,00	2,30	3,70	
43	Lê Văn	Thảo	3771021274	17/02/1992	7,00	5,00	5,60	
44	Nguyễn Thanh	Xuân	3771021285	18/04/1995	,00	,00	,00	CT
45	Lê Duy	Linh	3771021316	01/06/1995	6,00	3,50	4,30	
46	Võ Duy	Thanh	3771021323	17/03/1995	7,00	3,30	4,40	
47	Võ Thanh	Ngọc	3771021343	15/10/1995	8,00	2,30	4,00	
48	Lê Văn	Sơn	3771021354	20/09/1994	7,50	3,80	4,90	
49	Nguyễn Văn	Bình	3771021355	02/06/1990	7,00	2,50	3,90	
50	Trần Văn	Vũ	3771021397	07/04/1995	7,00	3,00	4,20	
51	Nguyễn Ngọc	Linh	3771021415	13/05/1995	7,50	3,30	4,60	
52	Trần Quang	Bảo	3771050401	25/05/1994	7,00	3,50	4,60	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)